

Họ và tên thí sinh: Số báo danh:

Câu 41: Loại thiên tai nào sau đây gây tác hại rất lớn cho sản xuất và đời sống nhân dân, nhất là ở vùng ven biển nước ta?

- A. Bão. B. Lũ quét. C. Hạn hán. D. Động đất.

Câu 42: Khó khăn lớn nhất ở vùng đồi núi nước ta là

- A. Động đất, bão và lũ lụt, hạn hán. B. Địa hình chia cắt, lũ quét, sạt lở, xói mòn.
C. Bão nhiệt đới, mưa kèm lốc xoáy. D. Mưa giông, hạn hán, cát bay, cát chảy.

Câu 43: Điều kiện thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ ở miền Trung là

- A. có nhiều sông ngòi. B. có hệ thống đầm phá.
C. có nhiều ao, hồ. D. có kênh rạch chằng chịt.

Câu 44: Đâu **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

- A. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm. B. Công nghiệp cơ khí – điện tử
C. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. D. Công nghiệp khai thác, chế biến lâm sản.

Câu 45: Các vũng, vịnh nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ có thể mạnh về

- A. nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. B. phát triển du lịch biển, đảo.
C. khai thác khoáng sản, sản xuất muối. D. phát triển dịch vụ hàng hải.

Câu 46: Về nông nghiệp, Đông Nam Bộ là vùng

- A. chuyên canh cây lương thực hàng đầu cả nước. B. chuyên canh cây công nghiệp hàng đầu cả nước.
C. chuyên canh cây thực phẩm hàng đầu cả nước. D. chăn nuôi gia súc và gia cầm hàng đầu cả nước.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết nước ta **không** có đường biên giới trên biển chung với

- A. Trung Quốc. B. Thái Lan. C. Lào. D. Campuchia

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết ở nước ta, bão thường tập trung nhiều nhất vào tháng nào trong năm?

- A. Tháng XI. B. Tháng X. C. Tháng VIII. D. Tháng IX.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu vực của sông Mê Công nằm chủ yếu ở vùng nào?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên. B. Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên.
C. Tây Nguyên, Đồng bằng Sông Cửu Long. D. Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết nhóm đất nào ở nước ta chiếm diện tích lớn nhất

- A. nhóm đất feralit trên đá badan. B. đất feralit trên các loại đá khác.
C. nhóm đất feralit trên đá vôi. D. nhóm đất phù sa sông.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 13,14, cho biết cao nguyên sau, cao nguyên nào **không** phải là cao nguyên badan?

- A. Cao nguyên Kom Tum. B. Cao nguyên Đăk Lăk.
C. Cao nguyên Mộc Châu. D. Cao nguyên Mơ Nông.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào có quy mô dân số lớn nhất trong các đô thị dưới đây?

- A. Thanh Hóa. B. Quy Nhơn. C. Nha Trang. D. Đà Nẵng

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, cho biết nhóm ngôn ngữ Tày – Thái phân bố chủ yếu ở vùng nào nước ta?

- A. Tây Nguyên. B. Bắc Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. Trung du miền núi Bắc Bộ.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây thuộc vùng Tây Nguyên?

- A. Xa Mát. B. Lao Bảo. C. Cầu Treo. D. Bờ Y.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết vùng nào sau đây là vùng chuyên canh cà phê lớn nhất nước ta?

- A. Đông Nam Bộ. B. Tây Nguyên.
C. Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết các trung tâm công nghiệp có quy mô trên 120 nghìn tỉ đồng?

A. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

B. Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu.

C. Hà Nội, Hải Phòng.

D. TP. Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết các nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất dưới 1000MW của vùng Đông Nam Bộ?

A. Thủ Đức, Phú Mỹ.

B. Bà Rịa, Thủ Đức.

C. Bà Rịa, Trà Nóc.

D. Phú Mỹ, Trà Nóc

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây có giá trị xuất lớn hơn nhập khẩu?

A. Bà Rịa - Vũng Tàu.

B. Hà Nội.

C. TP. Hồ Chí Minh.

D. Đồng Nai.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tuyến đường bộ theo hướng Đông - Tây nào sau đây **không** thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

A. Đường số 6.

B. Đường số 7.

C. Đường số 8.

D. Đường số 9.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết tên khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây **không** thuộc vùng Đông Nam Bộ?

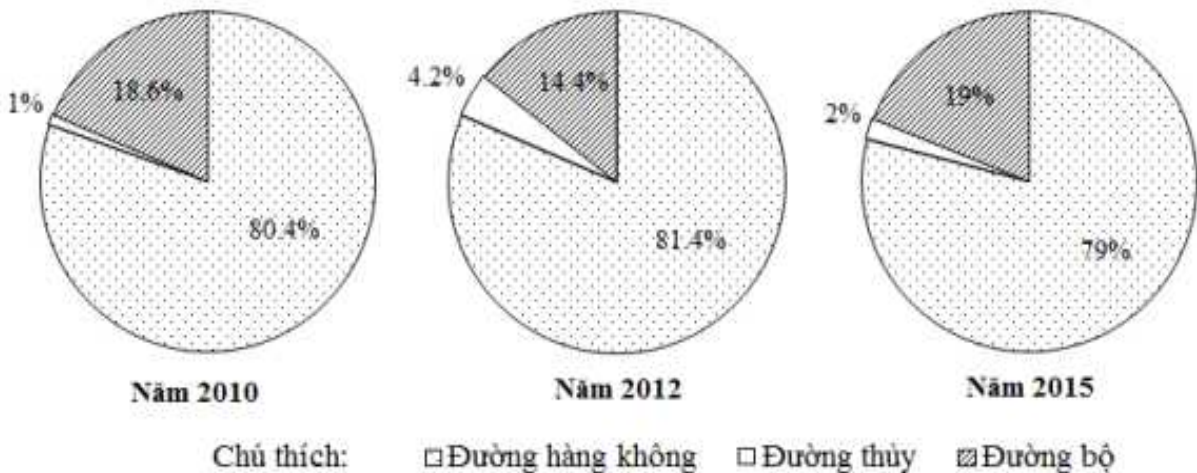
A. Hoa Lư.

B. Xa Mát.

C. Đồng Tháp.

D. Mộc Bài.

Câu 67: Cho biểu đồ:



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM PHÂN THEO PHƯƠNG TIỆN ĐẾN

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **đúng** với cơ cấu khách du lịch quốc tế đến Việt Nam phân theo phương tiện đến qua các năm?

A. Tỷ trọng của đường thủy không đáng kể.

B. Tỷ trọng của đường hàng không giảm liên tục.

C. Tỷ trọng của đường bộ tăng không liên tục.

D. Tỷ trọng của đường hàng không lớn nhất.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2014

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2005	2009	2010	2014
Khai thác	1987,9	2280,5	2414,4	2920,4
Nuôi trồng	1478,9	2589,8	2728,3	3412,8

Nhận xét nào sau đây **đúng** về cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2005-2014?

A. Sản lượng khai thác tăng nhanh hơn sản lượng nuôi trồng.

B. Tỷ trọng sản lượng khai thác luôn lớn hơn tỷ trọng sản lượng nuôi trồng.

C. Sản lượng nuôi trồng tăng chậm hơn sản lượng khai thác.

D. Tỷ trọng sản lượng nuôi trồng tăng, tỷ trọng sản lượng khai thác giảm.

Câu 63: Nhờ có biển Đông mà nước ta có

A. Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi.

B. Thiên nhiên nhiệt đới gió mùa với mùa đông lạnh.

C. Thiên nhiên phân hóa đa dạng theo độ cao.

D. Khí hậu khô, nóng với các nước ở Tây Á, châu Phi.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **đúng** về ngành du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

A. Các trung tâm du lịch biển đã được nâng cấp.

B. Nhiều vùng biển, đảo mới được đưa vào khai thác.

C. Có nhiều khu du lịch biển nổi tiếng cả Bắc, Trung, Nam.

D. Khách nước ngoài đến Việt Nam chủ yếu du lịch biển.

Câu 65: Phát biểu nào sau đây đúng về ngành vận tải đường biển nước ta?

- A. Tất cả các tỉnh giáp biển đều có cảng nước sâu.
- B. Vùng Bắc Trung Bộ có nhiều cảng biển nhất.
- C. Không có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển.
- D. Có nhiều cảng biển và cụm cảng quan trọng.

Câu 66: Giải pháp quan trọng nhất để tránh rủi ro trong việc mở rộng các vùng sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp.
- B. quy hoạch lại các vùng chuyên canh.
- C. tìm thị trường xuất khẩu ổn định.
- D. đẩy mạnh khâu chế biến sản phẩm.

Câu 67: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Có vùng biển rộng lớn ở phía đông, có thể mạnh phát triển ngư nghiệp.
- B. Vùng đồi trước núi có thể mạnh phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi đại gia súc.
- C. Tất cả các tỉnh trong vùng đều giáp biển, có khả năng phát triển nghề cá.
- D. Các đồng bằng rộng lớn ven biển thuận lợi cho hình thành các vùng lúa thâm canh.

Câu 68: Thuận lợi chủ yếu nhất của Duyên hải Nam Trung Bộ đối với phát triển dịch biển là

- A. thiên nhiên ưu ái ban tặng nhiều bãi biển, hòn đảo đẹp nổi tiếng trong nước và quốc tế.
- B. sự đa dạng về cảnh quan tự nhiên, di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng tạo nên sức hút lớn.
- C. bờ biển dài, các vịnh nước sâu thuận lợi cho di chuyển của du khách.
- D. cơ sở hạ tầng du lịch tương đối tốt tạo nên sức hấp dẫn du khách.

Câu 69: Đông Nam Bộ là vùng có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất cả nước **không** phải do

- A. vị trí địa lý thuận lợi cho hoạt động vận chuyển nguyên nhiên liệu, sản phẩm.
- B. dân cư tập trung đông đúc, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao.
- C. cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng khá hoàn thiện hấp dẫn các nhà đầu tư.
- D. tài nguyên thiên nhiên đa dạng, vùng giàu khoáng sản bậc nhất nước ta.

Câu 70: Hướng chính trong việc khai thác kinh tế ở vùng biển của Đồng bằng sông Cửu Long là kết hợp

- A. mặt biển với đảo, quần đảo và đất liền để tạo nên một thể kinh tế liên hoàn.
- B. vùng bờ biển với đất liền và lợi thế của hệ thống sông ngòi và kênh rạch.
- C. khai thác khoáng sản, du lịch biển - đảo và giao thông vận tải biển.
- D. khai thác sinh vật biển, khoáng sản và phát triển du lịch biển - đảo

Câu 71: Ý nghĩa chủ yếu của việc tăng cường chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp ở nước ta là

- A. tạo thêm nhiều việc làm cho số lượng lớn người lao động.
- B. đáp ứng tốt nhu cầu chuyển dịch cơ cấu ngành và lãnh thổ.
- C. khai thác có hiệu quả sự đa dạng, phong phú của tự nhiên.
- D. tạo ra khối lượng nông sản hàng hóa lớn và có chất lượng.

Câu 72: Biện pháp chủ yếu để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thành thị nước ta hiện nay là

- A. xây dựng các nhà máy công nghiệp quy mô lớn.
- B. phân bố lại lực lượng lao động trên phạm vi cả nước.
- C. hợp tác lao động quốc tế để xuất khẩu lao động.
- D. phát triển hoạt động công nghiệp và dịch vụ ở đô thị.

Câu 73: Tỷ lệ dân thành thị nước ta còn thấp, nguyên nhân chính là do

- A. nông nghiệp thâm canh lúa nước giữ vai trò chủ yếu.
- B. trình độ phát triển công nghiệp của nước ta chưa cao.
- C. đa số dân thích sống ở nông thôn hơn.
- D. nước ta không có nhiều thành phố lớn.

Câu 74: Cơ cấu sử dụng lao động nước ta thay đổi mạnh mẽ trong những năm gần đây chủ yếu là do

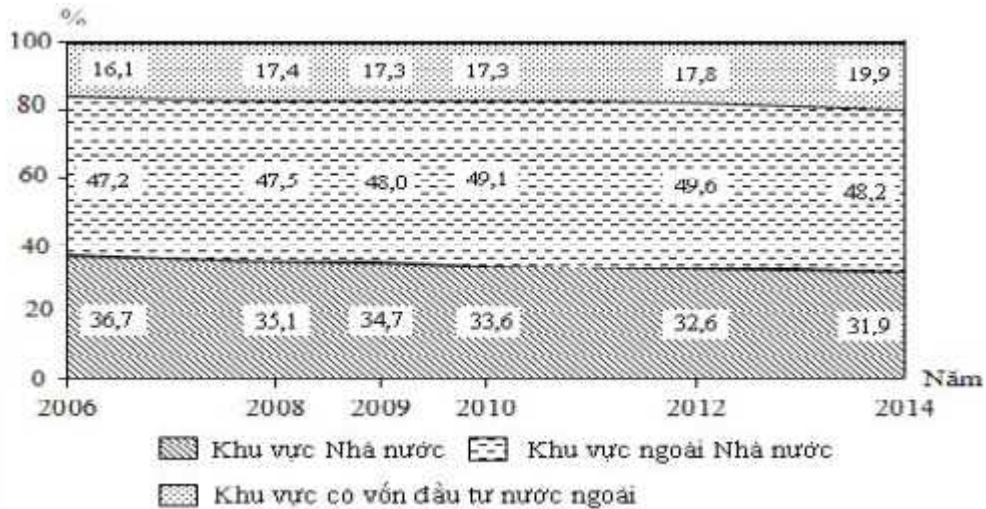
- A. tác động cách mạng khoa học - công nghệ và quá trình đổi mới.
- B. chuyển dịch hợp lý cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ nền kinh tế.
- C. chất lượng nguồn lao động ngày càng nâng cao.
- D. năng suất lao động xã hội ngày càng nâng cao.

Câu 75: Tỷ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh trong cơ cấu GDP của nước ta trong những năm gần đây là do

- A. thu hút được nhiều dự án đầu tư cả trong và ngoài nước.
- B. phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- C. thực hiện chính sách mở cửa và gia nhập nhiều tổ chức kinh tế.
- D. thành tựu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 76: Cho biểu đồ:

GDP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2006 - 2014



Cho biết biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây là đúng nhất về GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2008 - 2014.
- B. Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.
- C. Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.
- D. Quy mô GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.

Câu 77: Cho bảng số liệu:

LAO ĐỘNG VIỆT NAM TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ, GIAI ĐOẠN 2005-2015

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	2005	2008	2013	2015
Kinh tế nhà nước	4 967	5 059	5 331	5 186
Kinh tế ngoài nhà nước	36 695	39 707	45 092	44 451
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1 113	1 695	1 786	2 204
Tổng số	42 775	46 461	52 208	52 840

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu lao động Việt Nam từ 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành phần kinh tế, giai đoạn 2005-2015 là

- A. Tròn
- B. Đường
- C. Kết hợp
- D. Miền

Câu 78: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là nơi có sự tương phản rõ rệt giữa sườn Đông và Tây Trường Sơn về

- A. địa hình, khí hậu, thủy văn.
- B. thủy văn, khí hậu, sinh vật
- C. sinh vật, địa hình, đất đai.
- D. đất đai, thủy văn, khí hậu.

Câu 79: Sự khác nhau về thiên nhiên giữa vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc, giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu là do

- A. ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc và gió Tín phong bán cầu Bắc.
- B. ảnh hưởng của gió mùa và sự thay đổi theo độ cao của địa hình.
- C. ảnh hưởng của gió mùa và hướng của các dãy núi.
- D. ảnh hưởng hoàn lưu gió mùa và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 80: Giới hạn độ cao đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc thấp hơn so với miền Nam chủ yếu là do

- A. miền Bắc có nhiều núi cao hơn và có vĩ độ cao hơn miền Nam, lượng nhiệt nhận được ít.
- B. miền Bắc chịu ảnh hưởng của bão, frông cực và dòng biển lạnh, gió mùa hoạt động mạnh.
- C. miền Bắc gần chí tuyến và chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc, nên nhiệt độ thấp.
- D. miền Bắc gần chí tuyến hơn và địa hình cao hơn so với miền Nam, biên độ nhiệt năm lớn.

HẾT

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXBGD Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.